

(Tính tới 12/2025)

[illegible]

Chú yí:

- Kiểm tra tính logic của số liệu báo cáo: Tổng số công chức hiện có = tổng số theo trình độ chuyên môn = tổng số theo chức danh nghề nghiệp viên chức = tổng số theo độ tuổi
- Giữ nguyên cấu trúc của biểu, không thêm, tách, gộp các cột

(Tính tới 12/2025)

[illegible]

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TỪ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRỞ LÊN

(Tính tới thời điểm /12/2025)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Đơn vị công tác	Chức vụ hiện tại	Quyết định luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn giữ chức vụ		Hết thời hạn giữ chức vụ kể từ ngày/tháng/năm	Chức danh quy hoạch (nếu có)		Trình độ được đào tạo, bồi dưỡng														Ghi chú	
												Trình độ chuyên môn								Lý luận chính trị	Ngạch/CDNN CCVC	Bồi dưỡng QLNN	Tin học	Ngoại ngữ			
		Số	Ngày ban hành				Giai đoạn 2021-2026	Giai đoạn 2026-2031		Đại học		Chuyên khoa I		Thạc sĩ		Chuyên khoa II		Tiền sĩ									
										Chuyên ngành	Trường Đào tạo	Chuyên ngành	Trường Đào tạo	Chuyên ngành	Trường Đào tạo	Chuyên ngành	Trường Đào tạo	Chuyên ngành	Trường Đào tạo								
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13		15	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
C	VIÊN CHỨC																										
1	Dương Thị Hoa		21/07/1980	Kinh	Trường TH-THCS Thanh Trường	Hiệu trưởng	113	19/07/2025	15/05/2026			SP Toán	SP I HN			QLGD	SPTN					TC	V. 07.04.31	CV	A	B, B1	
2	Lê Thị Yến		20/12/1971	Kinh	Trường TH-THCS Thanh Trường	Phó hiệu trưởng	114	7/19/2025	15/01/2030		0	GD tiểu học	ĐHSP Hà Nội									Trung cấp	GD tiểu học hạng IV		A	B	đương QL giáo
3	Nguyễn Tiến Lực	01/07/1984		Kinh	Trường TH-THCS Thanh Trường	Phó Hiệu trưởng	112	7/19/2025	12/04/2027	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	Sư phạm ngữ văn	ĐH Sư phạm Hà									Trung cấp	THCS hạng III	chương trình	B	B	

Chú ý:
- Đối tượng: từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên
- Cột (3), (4): Ngày tháng năm sinh báo cáo theo dạng đầy đủ: ngày/tháng /năm (4 chữ số)
- Cột (11): Trình độ Lý luận chính trị viết tắt ví dụ CC; CN; TC
- Cột (13): Trình độ Quản lý nhà nước viết tắt ví dụ CVC; CV
- Không tách các cột (1), (2), (3).. thành nhiều cột nhỏ trong file excel

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TỪ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRỞ LÊN NĂM 2025

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, giới thiệu ứng cử	Chức vụ, chức danh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, giới thiệu ứng cử	Văn bằng chứng chỉ tại thời điểm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại							Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn chức vụ (Số ngày tháng năm) (*)
					Trình độ chuyên môn (ngành/ chuyên ngành)	Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Giữ ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp	Văn bằng, chứng chỉ khác (theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm)	
1												
I	BỔ NHIỆM											
1												
II	BỔ NHIỆM LẠI											
1	Lê Thị Yên	20/12/1971	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	giáo dục tiểu	Trung cấp		A	tiếng Anh B	GV tiểu học hạng II	Quản lý giáo dục	

Ghi chú:

- Đối tượng thống kê: những người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, giới thiệu ứng cử chức vụ từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên, cấp tỉnh, cấp xã

- (*): Đề nghị gửi bản mềm file scan các Quyết định về địa chỉ email: phongcongchuc@gmail.com để làm tài liệu cho chấp điểm chỉ số CCHC của tỉnh

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG NĂM (không)**

(Tính tới 12/2025)

[illegible]

TRƯỜNG TH-THCS THANH TRƯỞNG

Biểu 11

THỐNG KÊ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Mốc thời gian thống kê: trong năm 2025)

Đơn vị tính: số người.

Stt	Mục thống kê	Số lượng hiện tại	Tuyển dụng mới	Thay đổi vị trí việc làm	Thôi giữ chức vụ	Số người chuyển công tác	Số lượng tính giảm, biên chế	Số lượng thôi việc	Số lượng nghỉ hưu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
X	XÃ									
1	từ phó trưởng phòng và	3								
2	Viên chức còn lại	48	5	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số:									

Chú ý:
(7): Chuyển công tác nội tỉnh, ngoại tỉnh, sang khối Đảng, đoàn thể

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Tính tới thời điểm 01/12/2025)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Văn hóa	Chuyên môn			LLCT	Ngạch	QLNN	Khác		Đang
		Nam	Nữ						Trình độ	Chuyên ngành	Loại hình				Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B	VIÊN CHỨC																
1	Dương Thị Hoa		21/7/1980	Kinh	Phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	HT	12/12	Thạc sỹ	QLGD		TC	II	CV	A	B1	x
2	Nguyễn Tiến Lực	01/7/1984		Kinh	Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội	TH - THCS Thanh Trường	PHT	12/12	ĐH	SP Ngữ văn	Tại chức	TC	III	CV	B	B	x
3	Vũ Thị Minh Hải		06/4/1985	Kinh	Xã Long Hưng tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán	Chuyên tu		II		A	A2	x
4	Tòng Văn Thương	31/5/1984		Thái	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán	Tại chức		II		B		x
5	Nguyễn Thị Hải Yến		01/12/1992	Kinh	Phường Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán Lý	Chính quy		III		B	A2	x
6	Lê Cường	06/01/1982		Kinh	Phường Trần Lâm tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán	Tại chức	TC	II		B		x
7	Lò Thị Diệm		05/02/1973	Thái	Xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán	Từ xa		II		A		
8	Phạm Tắt Thành	25/10/1983		Kinh	Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	Trường TH-THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Toán	Tại chức		II		UDCB		x
9	Ngô Thị Huệ		04/10/1973	Kinh	Xã A Sào - tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Sinh	Chuyên tu		II		A	B	x
10	Đào Thị Thanh		14/9/1979	Kinh	Xã Tiên Tiến ,Tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Hóa	Tại chức		II		A	A	x
11	Nguyễn Mạnh Hùng	14/9/1981		Kinh	Xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Sinh	Tại chức	TC	II		UDCB	A2	x
12	Nguyễn Xuân Hoàn	09/09/1981		Mường	Phường Tân Hòa - Tỉnh Phú Thọ	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Hóa	Vừa làm vừa học		II		B		x
13	Vũ Thị Phong Lan		14/01/1972	Kinh	Xã Hồng Phong, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Sinh	Tại chức		II		A		x
14	Hoàng Thị Ninh		25/9/1984	Tày	Xã Lương Minh, tỉnh Quảng Ninh	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP văn	Chuyên tu		II		B	A2	x
15	Đặng Đức Hoàn	23/8/1974		Kinh	Xã Nam Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Văn	Tại chức		II		A		
16	Vũ Thị Hoàng Yến		02/09/1983	Kinh	Xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hoá	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Tiếng Anh	Vừa làm vừa học		II		A	B2	x
17	Phạm Công Thắng	28/5/1978		Kinh	Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Văn	Chuyên tu		II		A	B	x
18	Vĩ Văn Hà	11/11/1983		Thái	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Thể dục	Tại chức		II		A		x
19	Trần Thị Liên		23/05/1985	Kinh	Xã Tiên La, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Văn	Tại chức		II		B	B	x
20	Nguyễn Đức Vinh	25/7/1984		Kinh	Phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Mỹ Thuật	Vừa làm vừa học		II		UDCB	B	x
21	Nguyễn Thị Dung		28/12/1977	Kinh	Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Văn	Tại chức		II		UDCB	B	x
22	Nguyễn Việt Anh	20/02/1986		Kinh	Xã Nam Sách, tỉnh Hải Phòng	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	CNTT	Vừa làm vừa học		III				x

23	Nguyễn Thị Dung		27/01/1991	Kinh	Xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Địa lí	Vừa làm vừa học		III		UDCB	B	
24	Lê Thị Yến		20/12/1971	Kinh	Xã Liên Minh, thành phố Hà Nội	TH - THCS Thanh Trường	Phó hiệu trưởng	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học	TC	II		A	B	x
25	Nguyễn Thị Mai		04/6/1970	Kinh	Xã Hà Đông, thành phố Hải Phòng	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Từ xa		II		A		x
26	Bùi Thị Minh Ngọc		20/08/1990	Kinh	Xã Thanh Liêm, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		UDCB	A2	x
27	Ngô Thị Tuyết		05/8/1974	Kinh	Xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Từ xa		II		UDCB		x
28	Nguyễn Thị Hồng Bích		03/11/1970	Kinh	Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		A	A2	x
29	Hoàng Thị Hường		11/8/1973	Kinh	Xã Nguyễn Lương Bằng - thành phố Hải Phòng	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Từ xa		II		A		x
30	Hoàng Thị Yến		18/8/1989	Tày	Xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		II		B		
31	Lò Thị Thi		01/11/1988	Thái	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		UDCB		
32	Hà Thị Nhung		28/7/1981	Kinh	Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		II		UDCB		x
33	Nguyễn Thị Thanh		05/9/1987	Kinh	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Tại chức		II		B	B	x
34	Nguyễn Thị Duyên		01/11/1990	Kinh	Xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học	SC	III		B	B	x
35	Lò Thị Bình		15/02/1979	Thái	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Từ xa		III		B	A2	
36	Nguyễn Ngọc Thái	20/9/1983		Kinh	Xã Bắc Đông Quan, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP âm nhạc	Vừa làm vừa học		II		B		x
37	Đàm Thị Tuyết Lan		11/8/1978	Kinh	Phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Tiếng Anh	Vừa làm vừa học		II		A	B2	
38	Đào Tiến Nam	19/08/1987		Kinh	Xã Ngự Thiên, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	Kỹ sư Tin học	Từ xa		III		B	B	x
39	Bùi Thị Sơn		11/9/1978	Mường	Xã Mường Động, Tỉnh Phú Thọ	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		II		UDCB	B	x
40	Phạm Thị Thu Chang		03/04/1993	Kinh	Xã Tiên Lương, tỉnh Phú Thọ	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP Tiếng anh	Chính quy		II		B	B2	
41	Nguyễn Hữu Tài	14/12/1984		Kinh	Xã Thần Khê, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP TDDT	Vừa làm vừa học		II		B	B	x
42	Trần Thị Thắm		12/10/1982	Kinh	Phường Đông A, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	9/12	ĐH	SP GD tiểu học	Từ xa		II		B	B	x
43	Lò Thị Dung		07/01/1987	Thái	Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		B	B	x
44	Vũ Thị Hằng		05/04/1989	Kinh	Xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		B		x
45	Vũ Thị Lan		15/02/1985	Kinh	Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		II		UDCB	B	x
46	Vàng Thị Lịch		27/6/1993	Thái	Xã Lê Lợi, tỉnh Lai Châu	TH - THCS Thanh Trường	GV	12/12	ĐH	SP GD tiểu học	Vừa làm vừa học		III		B		x
47	Hà Thị Tuyến		17/10/1975	Kinh	Xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	Kế toán	12/12	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	SC	Kế toán III	CV	C	B	x
48	Nguyễn Hữu Thị Hà		30/03/1991	Kinh	Xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	NV Y tế	12/12	TC	Y sỹ	Chính quy		Y tế IV		UDCB		
II						HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2022/NĐ-CP											
1	Nguyễn Văn Thư	08/08/1970		Kinh	Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	Bảo vệ	10/10	Sơ cấp								

2	Phạm Văn Tiến	26/8/1985		Kinh	Xã Trà Giang, tỉnh Hưng Yên	TH - THCS Thanh Trường	Phục vụ	12/12	ĐH KT	Kế toán	Vừa làm vừa học				B	B	x
3	Nông Văn Dũng	07/8/1986		Tây	Xã Vĩnh Quý, tỉnh Cao Bằng	TH - THCS Thanh Trường	Bảo vệ	12/12	Cao đẳng	CNTT	Nghề						
D	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG KHÁC																

- Chú ý:**
- **Đối với UBND cấp xã: thống kê cả danh sách viên chức, lao động hợp đồng sự nghiệp giáo dục và đào tạo**
 - Cột (2): Sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo phòng, ban, đơn vị đang làm việc
 - Cột (3): Thuộc 1 trong 4 đối tượng: công chức, viên chức, hợp đồng 111 và hợp đồng ngoài 111
 - Cột (4),(5): Ngày tháng năm sinh theo dạng đầy đủ: ngày/tháng /năm (4 chữ số). Không tách thành nhiều cột trong file excel.
 - Cột (14): Trình độ Lý luận chính trị viết tắt (nếu có) ví dụ CC; CN; TC
 - Cột (15): Ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức
 - Cột (18): Ghi (x) nếu là đảng viên
 - Giữ nguyên cấu trúc của biểu, không thêm, tách, gộp các cột

HIỆU TRƯỞNG

DƯƠNG THỊ HOA

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Tính tới 12/2025)

S T T	Mục thống kê	Số người hiện có	Trong đó				Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức				Trình độ đào tạo chia theo																		Chia theo độ tuổi									
			Nữ	Đảng viên	Người dân tộc Mông	Người dân tộc Thái	Chuyên viên cao cấp & TD	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên và tương đương	Chuyên môn								Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ		Quản lý nhà nước										
												Tiến sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ	Chuyên viên cao cấp và TD						Chuyên viên chính và TD	Chuyên viên và TD	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	30	31	32	33	34	35	36	37	
B	Viên chức																																					
1	Viên chức là người dân tộc giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Viên chức còn lại	12	8	7	0	7	0	0	0	0	1	0	0	0	0	11	1	0	0	0	0	0	0	1	11		11	0	0	0	0	0	0	0	4	7	1	0